



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002468; đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

- Mua bán, sản xuất, chế biến nông lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Mua bán thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, cao su, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản phẩm dệt may và nguyên phụ liệu, quần áo may sẵn, đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Sản xuất, mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Sản xuất, chế biến, mua bán cà phê, trà; gia công đóng gói bao bì cà phê, trà.

Trụ sở chính:

Lô A14b, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP.HCM

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng Quản trị

Bà	Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT
Ông	Hồ Văn Trung	Thành viên
Bà	Võ Thị Mỹ	Thành viên
Ông	David Hồ	Thành viên
Ông	Nguyễn Minh Tâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Bà	Vũ Thị Minh Chiến	Giám Đốc điều hành
Bà	Văn Thị Hoài Linh	Giám Đốc kinh doanh
Ông	Võ Thiên Chương	Giám Đốc tài chính
Bà	Lê Thị Tường Hạnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của công ty là: Bà Nguyễn Minh Nguyệt

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Minh Nguyệt

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 12.13.830 /AISC-DN5 BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ Phần Trang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trang, được lập ngày 25/02/2014, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ THANH DUY

Số giấy CNĐKHNT: 1493-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN VINH

Số giấy CNĐKHNT: 0112-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang: 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho: 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Can Tho City

Representative in Hai Phong: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 **Fax:** (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 **Fax:** (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 **Fax:** (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 **Fax:** (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscn@dg.vnn.vn

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		162.843.060.416	107.659.719.920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.303.771.044	30.026.632.154
1. Tiền	111		3.776.554.905	14.364.416.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.527.216.139	15.662.216.139
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.316.539.691	31.935.246.713
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	73.561.114.238	27.649.836.785
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	1.587.561.668	1.105.649.529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	167.863.785	3.179.760.399
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	61.433.075.209	43.988.304.918
1. Hàng tồn kho	141		61.433.075.209	43.988.304.918
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.789.674.472	1.709.536.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	277.372.713	196.633.895
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.326.184.157	1.318.295.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		161.592.602	126.619.226
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		24.525.000	67.988.001

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		55.040.061.480	39.786.884.708
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.337.992.551	31.283.081.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	32.975.866.604	31.145.092.851
- Nguyên giá	222		56.245.568.842	48.899.680.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.269.702.238)	(17.754.587.718)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	112.125.947	137.988.503
- Nguyên giá	228		244.773.600	242.167.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.647.653)	(104.179.097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.250.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	17.060.000.000	4.767.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.060.000.000	4.767.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.642.068.929	3.736.803.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.642.068.929	3.736.803.354
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		217.883.121.896	147.446.604.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		165.576.203.716	115.065.723.287
I. Nợ ngắn hạn	310		158.284.300.516	105.775.329.787
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	123.945.744.516	77.105.820.717
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	29.261.960.692	15.011.093.836
3. Người mua trả tiền trước	313		419.954.921	140.950.749
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1.892.110.025	1.253.375.634
5. Phải trả người lao động	315		3.137.857.748	2.757.397.200
6. Chi phí phải trả	316		-	138.899.632
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	162.650.614	9.367.792.019
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(535.978.000)	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.291.903.200	9.290.393.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	7.291.903.200	9.290.393.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		52.306.918.180	32.380.881.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	52.306.918.180	32.380.881.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.306.918.180	12.380.881.341
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		217.883.121.896	147.446.604.628

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		22.614,53	454.179
+ EUR		4,89	2,41
+ GBP		78.461,98	116.120

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Lê Thị Anh Thi



Lê Thị Tường Hạnh

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

NGUYỄN MINH NGUYỆT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	330.643.351.880	207.043.738.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.367.631.972	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	329.275.719.908	207.043.738.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	280.584.474.936	173.878.069.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.691.244.972	33.165.668.752
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.881.282.023	2.229.312.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	8.920.966.070	10.324.136.484
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.996.457.498	8.355.346.297
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	4.358.601.148	6.268.049.286
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	16.761.686.162	14.747.803.146
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		21.531.273.615	4.054.992.724
11. Thu nhập khác	31	VI.09	880.033.232	366.848.849
12. Chi phí khác	32	VI.10	697.303.458	566.906.807
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		182.729.774	(200.057.958)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.714.003.389	3.854.934.766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.787.966.550	328.333.867
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.926.036.839	3.526.600.899
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.13	99.630	17.633

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Lê Thị Anh Thi

Lê Thị Tường Hạnh

Nguyễn Minh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.714.003.389	3.854.934.766
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	6.159.162.299	5.575.475.266
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(33.266.189)	1.000.550.133
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.816.613.236)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	6.996.457.498	8.355.346.297
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.019.743.761	18.786.306.462
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(51.365.041.678)	69.497.068.181
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(17.444.770.291)	(28.269.493.314)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		12.762.077.008	(2.600.529.372)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(129.627.080)	(411.549.508)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.945.430.490)	(8.869.437.441)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.187.428.655)	(729.106.901)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		339.776.492	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(535.978.000)	(2.070.424.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.486.678.933)	45.332.833.484
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.732.799.185)	(6.834.257.695)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		251.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.127.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.360.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(18.785.000.000)	(1.647.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		2.607.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		1.564.795.054	1.608.968.479
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(24.094.185.949)	(11.639.289.216)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		316.534.110.265	233.958.650.918
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(274.717.036.312)	(249.960.936.710)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.999.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.817.073.953	(19.002.035.792)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(13.763.790.929)	14.691.508.476
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.026.632.154	15.335.123.678
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.929.819	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		16.303.771.044	30.026.632.154

Người lập biểu



Lê Thị Anh Thi

Kế toán trưởng



Lê Thị Tường Hạng

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Nguyệt